

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**  
**CHO GIAI ĐOẠN TỪ NGÀY 01/01/2019 ĐẾN NGÀY 30/06/2019**

---

*Tháng 08 năm 2019*

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 8
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	9
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	10 - 11
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	12 - 44

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty đã được soát xét cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH**

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành đã điều hành Công ty trong giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và đến ngày lập Báo cáo hợp nhất này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Lê Thanh Tuấn	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Thành viên	
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên	
Ông Lưu Hoàng Long	Thành viên	Miễn nhiệm từ ngày 04/07/2019

#### **Ban Điều hành và Kế toán trưởng**

Ông Bùi Mạnh Hùng	Phó Tổng Giám đốc phụ trách chung
Ông Vũ Hải Vĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đông	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Dương Ngọc Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Dũng	Kế toán Trưởng

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ban Điều hành khẳng định rằng ngoài sự kiện được trình bày tại Thuyết minh số 32.3, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

#### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ kế toán phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (TIẾP)**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### **PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Theo Giấy ủy quyền số 0004/UQ/ĐT-VP ngày 04/01/2018 của Ông Lê Thanh Tuấn – Chủ tịch Hội đồng Quản trị đồng thời là người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam, Ông Nguyễn Tiến Dũng – Phó Tổng Giám đốc được ủy quyền là người ký Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.

### **CÁC CAM KẾT KHÁC**

Ban Điều hành cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng và Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành,



**Nguyễn Tiến Dũng**  
**Phó Tổng Giám đốc**

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Số: 407 /2019/UHY-BCSX

**BÁO CÁO SOÁT XÉT  
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử Tin học Việt Nam  
cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành  
Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam**

Chúng tôi đã tiến hành soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") được lập ngày 29/08/2019, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

**Trách nhiệm của Ban Điều hành**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

**Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ**

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.2 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được hợp nhất trên Báo cáo tài chính riêng của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa là Công ty con, mà không thực hiện hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Viettronics Đồng Đa do Công ty này có hoạt động đầu tư vào Công ty con là Công ty TNHH Viettronics Medda (Giá trị khoản đầu tư tại Công ty con này tại 30/06/2019 là 1.491.178.546 đồng).

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của các Công ty này.



## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP)**

### **Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (tiếp)**

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán từ chối về Báo cáo này, trong báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 của Tổng Công ty chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán từ chối tại Công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo này do Công ty chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1 (VTD1), đồng thời chưa thực hiện trích lập dự phòng giảm giá cho một số mặt hàng tồn kho chậm luân chuyển, chưa thực hiện khấu hao cho một số tài sản cố định và phân bổ công cụ dụng cụ được chuyển về từ Công ty TNHH Công nghệ Led Ánh sáng mới trong năm 2015, trong báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 của Tổng Công ty chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Công ty con này.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp (Công ty con) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán, các kiểm toán viên đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo này do Công ty chưa đánh giá giá trị cần trích lập dự phòng của các khoản phải thu quá hạn thanh toán, phải thu khó đòi, trong báo cáo hợp nhất 6 tháng đầu năm 2019 của Tổng Công ty chúng tôi chưa được soát xét các vấn đề liên quan đến ý kiến kiểm toán ngoại trừ tại Công ty con này.

### **Kết luận ngoại trừ**

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề được mô tả tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Quy định pháp lý có liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



**Phạm Gia Đạt**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0798- 2018- 112- 1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019*

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
 Tại ngày 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>708.941.427.626</b>	<b>986.331.140.503</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>99.315.380.201</b>	<b>127.198.595.697</b>
Tiền	111		17.177.591.266	36.668.390.198
Các khoản tương đương tiền	112		82.137.788.935	90.530.205.499
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>103.149.046.528</b>	<b>98.793.128.068</b>
Chứng khoán kinh doanh	121	5.1.a	287.396.250	287.396.250
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1.b	102.861.650.278	98.505.731.818
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>274.938.313.037</b>	<b>558.956.761.750</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	238.536.132.654	521.910.946.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	15	33.048.121.873	36.419.012.514
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		900.000.000	900.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	36.177.353.020	33.447.997.460
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(33.914.565.425)	(33.914.565.425)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		191.270.915	193.370.303
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>9</b>	<b>216.256.294.597</b>	<b>189.440.754.564</b>
Hàng tồn kho	141		221.351.324.739	194.581.490.733
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.095.030.142)	(5.140.736.169)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>15.282.393.263</b>	<b>11.941.900.424</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	6.007.260.037	4.804.361.466
Thuế GTGT được khấu trừ	152		6.135.339.338	6.098.470.917
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	3.139.793.888	1.039.068.041
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>257.849.557.264</b>	<b>255.619.278.327</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>12.226.776.564</b>	<b>12.147.556.564</b>
Trả trước cho người bán dài hạn	212		8.330.535.680	8.330.535.680
Phải thu dài hạn khác	216	7	3.896.240.884	3.817.020.884
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>104.723.910.116</b>	<b>108.168.815.969</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	10	66.326.795.276	69.408.695.855
- Nguyên giá	222		193.295.856.988	192.687.957.163
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(126.969.061.712)	(123.279.261.308)
Tài sản cố định vô hình	227	12	38.397.114.840	38.760.120.114
- Nguyên giá	228		46.488.915.331	46.488.915.331
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.091.800.491)	(7.728.795.217)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
 Tại ngày 30/06/2019

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>13</b>	<b>9.176.921.007</b>	<b>9.416.551.983</b>
- Nguyên giá	231		37.747.597.125	37.747.597.125
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28.570.676.118)	(28.331.045.142)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	<b>14</b>	<b>43.053.847.727</b>	<b>36.129.786.391</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		43.053.847.727	36.129.786.391
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>66.131.754.109</b>	<b>66.169.124.585</b>
Đầu tư vào công ty con	251	5.2.1	1.491.178.546	1.491.178.546
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.3	46.560.696.277	46.560.696.277
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2.2	29.915.290.000	29.915.290.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(14.015.410.714)	(14.015.410.714)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	5.1.b	2.180.000.000	2.217.370.476
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>22.536.347.741</b>	<b>23.587.442.836</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	11	13.870.683.789	14.933.312.680
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		8.665.663.952	8.654.130.156
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>966.790.984.890</b>	<b>1.241.950.418.830</b>

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>316.149.349.892</b>	<b>589.399.356.950</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>288.765.596.263</b>	<b>563.433.705.460</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	97.336.808.295	368.482.413.970
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		30.047.350.543	29.577.773.201
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.653.126.293	7.299.205.725
Phải trả người lao động	314		9.295.171.989	11.312.181.998
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	13.828.779.237	8.607.086.815
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		452.985.000	655.720.000
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	40.757.862.963	36.529.289.936
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	65.589.244.716	80.446.595.912
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		20.266.863.994	16.418.922.994
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.537.403.233	4.104.514.910



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**

Tại ngày 30/06/2019

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/06/2019	01/01/2019
			VND	VND
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>27.383.753.629</b>	<b>25.965.651.489</b>
Chi phí phải trả dài hạn	333	17	3.497.356.796	3.497.356.796
Phải trả dài hạn khác	337	18	12.057.845.402	11.567.829.280
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		11.828.551.431	10.900.465.413
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>650.641.634.998</b>	<b>652.551.061.881</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>20</b>	<b>635.478.747.998</b>	<b>637.388.174.881</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		438.000.000.000	438.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		438.000.000.000	438.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	415		(13.168.376.473)	(13.168.376.473)
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(20.110.700.745)	(20.110.700.745)
Quỹ đầu tư phát triển	418		60.224.407.733	60.334.783.182
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		26.619.705	26.619.705
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		17.480.200.353	19.652.211.623
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		16.942.059.961	12.890.318.326
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		538.140.391	6.761.893.297
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		153.026.597.425	152.653.637.589
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>15.162.887.000</b>	<b>15.162.887.000</b>
Nguồn kinh phí	431		15.162.887.000	15.162.887.000
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>966.790.984.890</b>	<b>1.241.950.418.830</b>

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh		Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	21	326.479.662.773	447.097.707.241
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	22	5.956.666.723	722.711.944
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>10</b>		<b>320.522.996.050</b>	<b>446.374.995.297</b>
Giá vốn hàng bán	11	23	226.072.087.691	386.109.419.875
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>20</b>		<b>94.450.908.359</b>	<b>60.265.575.422</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	9.985.366.587	10.301.391.134
Chi phí tài chính	22	25	3.153.378.493	2.831.912.468
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.977.076.530	2.495.372.949
Phân lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	26	54.205.026.963	30.657.731.368
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	26	35.441.283.827	32.375.141.698
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>11.636.585.663</b>	<b>4.702.181.022</b>
Thu nhập khác	31	27	1.149.642.490	550.487.346
Chi phí khác	32	28	206.993.115	334.538.063
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>942.649.375</b>	<b>215.949.283</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>12.579.235.038</b>	<b>4.918.130.305</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	29	2.971.409.123	1.400.935.492
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	30	780.793.873	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh</b>	<b>60</b>		<b>8.827.032.042</b>	<b>3.517.194.813</b>
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		643.497.621	(1.340.169.178)
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		8.183.534.421	4.857.363.991
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>31</b>	<b>15</b>	<b>(31)</b>

Người lập biểu



Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng



Nguyễn Trung Dũng

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Pho Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiên Dũng

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	12.579.235.038	4.918.130.305
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	4.433.423.504	4.990.599.544
Các khoản dự phòng	03	3.802.234.973	(1.245.577.569)
Lỗ/(Lãi) các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(30.114.366)	176.583.217
(Lãi) hoạt động đầu tư	05	(9.544.180.412)	(7.552.944.622)
Chi phí lãi vay	06	1.977.076.530	2.495.372.949
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>13.217.675.268</b>	<b>3.782.163.824</b>
Giảm các khoản phải thu	09	283.549.440.607	247.857.865.935
(Tăng) hàng tồn kho	10	(26.769.834.006)	(11.009.786.106)
(Giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(264.841.645.947)	(272.112.809.750)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12	242.396.190	(192.219.236)
Tiền lãi vay đã trả	14	(2.276.428.138)	(2.495.372.949)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.355.820.814)	(3.427.385.591)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	57.241.871.801
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	-	(74.310.482.525)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>(234.216.841)</b>	<b>(54.666.154.597)</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(7.649.226.363)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	156.500.000
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(53.407.064.194)	(72.237.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	49.088.516.210	72.083.842.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.964.192.575	9.456.733.003

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Từ 01/01/2019	Từ 01/01/2018
		đến 30/06/2019	đến 30/06/2018
		VND	VND
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	(6.003.581.772)	9.460.075.003
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	158.524.913.032	165.883.930.861
Tiền trả nợ gốc vay	34	(173.382.264.228)	(131.039.699.915)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.787.904.000)	(4.026.113.726)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	(21.645.255.196)	30.818.117.220
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	(27.883.053.809)	(14.387.962.374)
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60 4	127.198.595.697	170.380.413.803
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(161.687)	(176.583.217)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70 4	99.315.380.201	155.815.868.212

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Phó Tổng Giám đốc

Vũ Văn Tuấn

Nguyễn Trung Dũng



Nguyễn Tiến Dũng



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

**1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”), tiền thân là Tổng Công ty Điện tử và Tin học Việt Nam, được thành lập theo Quyết định số 1116/QĐ/TCCBHT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 109811 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 23/11/1995. Tổng Công ty chuyển đổi hình thức sang Tổng Công ty Cổ phần theo Quyết định số 2511/QĐ-BCN ngày 14/09/2006 và Quyết định số 05/QĐ-BCN ngày 02/01/2007 của Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương) và chính thức hoạt động theo hình thức Tổng Công ty Cổ phần từ ngày 01/03/2007 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103016007 ngày 28/02/2007, đã đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 04/12/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 15 đường Trần Hưng Đạo, Phan Chu Trinh, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội. Văn phòng giao dịch của Tổng Công ty tại Tầng 11, tòa nhà MIPEC, 229 Tây Sơn, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ là 438.000.000.000 đồng (Bốn trăm ba mươi tám tỷ đồng).

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30/06/2019 là 82 người.

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH**

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Tổng Công ty là:

- Thiết kế, sản xuất, lắp ráp, chế tạo thiết bị, hệ thống thiết bị linh kiện, chi tiết cấu kiện điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế, điện tử - tự động hóa, điện máy gia dụng và chuyên dùng;
- Sản xuất thiết bị, sản phẩm, linh kiện chi tiết vật tư liên quan đến ngành điện tử - tin học, thiết bị viễn thông, điện tử y tế và điện máy;
- Thực hiện các dịch vụ trong lĩnh vực điện tử và công nghệ thông tin (nghiên cứu đào tạo, chuyển giao công nghệ thông tin, tư vấn đầu tư, xây lắp, bảo trì, làm đại lý, nhà phân phối cho các Văn phòng Tổng Công ty trong và ngoài nước);
- Kinh doanh bất động sản và văn phòng cho thuê.

**1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)**

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY**

STT	Tên	Địa chỉ	Ngành nghề kinh doanh	Quyền sở hữu và biểu quyết
<b>I</b>	<b>Đơn vị trực thuộc</b>			
	Trường Cao đẳng Công nghệ Viettronics	Số 118 Cát Bi, Quận Hải An, Thành phố Hải Phòng	Đào tạo	100%
<b>II</b>	<b>Công ty con được hợp nhất vào Báo cáo tài chính</b>			
1	Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	Tầng 3, số 2 Triệu Quốc Đạt, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất, mua bán thiết bị điện	51,07%
2	Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	15C Nguyễn Văn Trỗi, phường 12, quận Phú Nhuận, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán, gia công sản phẩm điện, điện tử	97,01%
3	Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hoà	204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, mua bán sản phẩm điện, điện tử	51,00%
4	Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	248A Nơ Trang Long, quận Bình Thạnh, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp đặt thiết bị điện tử	55,54%
5	Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hoà	52-54 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,00%
6	Công ty Cổ phần công trình Viettronics	Tầng 5, toàn nhà Sudico, đường Mễ Trì, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	Giám sát, thi công xây dựng công trình điện	65,00%
7	Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	Số 11B Phan Huy Chú, Phan Chu Trinh, Hoàn Kiếm, Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	91,86%
<b>III</b>	<b>Công ty con không được hợp nhất vào Báo cáo tài chính</b>			
1	Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	Số 2 phố Chùa Láng, Phường Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội	Sản xuất kinh doanh thiết bị y tế	51,07%
<b>III</b>	<b>Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp giá gốc</b>			
1	Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	Số 18 Nguyễn Chí Thanh, quận Ba Đình, Hà Nội	Sản xuất, mua bán chương trình đào tạo, phần mềm máy tính	35,70%
2	Công ty Cổ phần Viettronimex	74 – 76 Nguyễn Huệ, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	42,16%
3	Công ty CP Cơ Khí Điện tử Phú Thọ Hoà	1026B Lũy Bán Bích, phường Hòa Thạnh, quận Tân Phú, Hồ Chí Minh	Sản xuất, lắp ráp thiết bị điện tử	33,77%

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**1.4 CẤU TRÚC TỔNG CÔNG TY (TIẾP)**

4	Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	26 Lý Tự Trọng, Phường Bến Nghé, quận 1, Hồ Chí Minh	Mua bán thiết bị, linh kiện điện tử	28,52%
5	Công ty LD Điện tử Y tế Kỹ thuật cao Amec	48BT3 – Khu biệt thự bán đảo Linh Đàm, Hoàng Mai, TP Hà Nội	Sản xuất, thương mại và dịch vụ	49%

**IV Công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất theo phương pháp giá gốc**

1	Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics	Phan Trọng Tuệ, Thanh Liệt, Thanh Trì, TP. Hà Nội	Sản xuất sản phẩm điện tử	51,07%
2	Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	30 Đỗ Xuân Hợp, Phường Phước Long A, TP HCM	Sản xuất sản phẩm điện tử	97,01%

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam (Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC), Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con). Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Tất các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Tổng Công ty và các Công ty con và giữa các Công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát nắm giữ tại Công ty con bao gồm lợi ích trực tiếp và gián tiếp có được thông qua công ty con khác. Việc xác định lợi ích của các bên được căn cứ vào tỷ lệ góp vốn (trực tiếp và gián tiếp) tương ứng của từng bên trong công ty con, trừ khi có thỏa thuận khác. Trường hợp có sự khác biệt giữa tỷ lệ vốn góp theo giấy đăng ký kinh doanh và tỷ lệ vốn thực góp thì tỷ lệ lợi ích được xác định theo điều lệ doanh nghiệp hoặc theo sự thống nhất giữa các bên.

Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được trình bày trong Bảng cân đối kế toán hợp nhất thành một chỉ tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu.

Phần sở hữu của Cổ đông không kiểm soát trong Báo cáo kết quả kinh doanh của Tổng Công ty cũng được trình bày thành chỉ tiêu riêng biệt trong Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.2 CƠ SỞ HỢP NHẤT (TIẾP)**

**Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là Công ty con hay công ty liên doanh của Tổng Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản góp vốn liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc được điều chỉnh theo những thay đổi trong phần vốn góp của Tổng Công ty vào phần tài sản thuần của Công ty liên kết sau ngày mua khoản đầu tư. Các khoản lỗ của Công ty liên kết vượt quá khoản góp vốn của Tổng Công ty tại công ty liên kết đó (bao gồm bất kể các khoản góp vốn dài hạn mà về thực chất tạo thành đầu tư thuần của Tổng Công ty tại Công ty liên kết đó) không được ghi nhận.

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên danh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Trong trường hợp một công ty thành viên trực tiếp thực hiện hoạt động kinh doanh theo các thỏa thuận liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và bất kỳ khoản nợ phải trả phát sinh chung phải gánh chịu cùng với các bên góp vốn liên doanh khác từ hoạt động của liên doanh được hạch toán vào báo cáo tài chính của Công ty tương ứng và được phân loại theo bản chất của nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các khoản công nợ và chi phí phát sinh có liên quan trực tiếp đến phần vốn góp trong phần tài sản đồng kiểm soát được hạch toán trên cơ sở dồn tích. Các khoản thu nhập từ việc bán hàng hoặc sử dụng phần sản phẩm được chia từ hoạt động của liên doanh và phần chi phí phải gánh chịu được ghi nhận khi chắc chắn khoản lợi ích kinh tế có được từ các giao dịch này được chuyển tới hoặc chuyển ra khỏi Tổng Công ty và các khoản lợi ích kinh tế này có thể được xác định một cách đáng tin cậy.

**Lợi thế thương mại**

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh với phần lợi ích của Tổng Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của Công ty con tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế kinh doanh đó là 10 năm.

Khi bán công ty con giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho giai đoạn từ ngày 01/01/2019 đến ngày 30/06/2019.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí hợp nhất trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 NGOẠI TỆ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các nghiệp vụ này sẽ được hạch toán vào doanh thu hoặc chi phí trong kỳ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá hối đoái tại ngày này, cụ thể như sau:

- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản mục tài sản tiền tệ là tỷ giá mua vào tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch. Các khoản tiền ngoại tệ, ký quỹ gửi ngân hàng được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản, ký quỹ.
- Tỷ giá sử dụng để quy đổi số dư các khoản phải trả tiền tệ là tỷ giá bán ra tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán của Ngân hàng Thương mại nơi doanh nghiệp thường xuyên có phát sinh giao dịch.

Khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do việc đánh giá lại số dư cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm, số chênh lệch còn lại được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

**3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao. Các khoản có khả năng thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền mặt xác định trong thời gian không quá 03 tháng và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

#### 3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định hiện hành.

##### *Các khoản cho vay*

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành.

##### *Đầu tư và công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

#### 3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu gồm: các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo.

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được; Hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn. Mức trích lập dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được thực hiện theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 17/12/2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28/06/2013 của Bộ Tài chính tại thời điểm cuối năm.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

#### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Tổng Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (nếu có) của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Đối với các tài sản cố định đã đưa vào sử dụng nhưng chưa có quyết toán chính thức sẽ được tạm ghi tăng nguyên giá tài sản cố định và trích khấu hao, khi có quyết toán chính thức sẽ điều chỉnh lại nguyên giá và khấu hao tương ứng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định hữu hình phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho tài sản cố định hữu hình tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	08 - 50
- Máy móc, thiết bị	03 - 20
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 10
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 05
- Tài sản cố định khác	03 - 08

Công ty áp dụng tính và trích khấu hao tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25/04/2013 về việc quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC sửa đổi Thông tư 45/2013/TT-BTC.

**3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG DỒI DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các tài sản là các thiết bị đang trong quá trình đầu tư mua sắm và lắp đặt, chưa đưa vào sử dụng, các công trình xây dựng cơ bản đang trong quá trình xây dựng chưa được nghiệm thu và đưa vào sử dụng tại thời điểm khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc. Giá gốc này bao gồm: chi phí hàng hóa, dịch vụ phải trả cho các nhà thầu, người cung cấp, chi phí lãi vay có liên quan trong giai đoạn đầu tư và các chi phí hợp lý khác liên quan trực tiếp đến việc hình thành tài sản sau này. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**3.9 NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm:

- Phải trả người bán là các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hoá, dịch vụ
- Phải trả khác bao gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán hàng hoá, dịch vụ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.10 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**3.11 GHI NHẬN DOANH THU VÀ CHI PHÍ**

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi các rủi ro, lợi ích và quyền sở hữu hàng hóa được chuyển sang người mua; Tổng Công ty có thể thu được lợi ích kinh tế đồng thời có thể xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

*Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và lắp đặt*

Doanh thu hoạt động cung cấp và lắp đặt thiết bị điện tử cho các dự án được ghi nhận khi các bên nghiệm thu khối lượng hoàn thành lắp đặt và được chấp nhận thanh toán.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả giao dịch và cung ứng dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy, Tổng Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này (được ghi nhận khi có bằng chứng về sản lượng dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính) và xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với những trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ kế toán, doanh thu được xác định trên kết quả phần công việc đã thực sự hoàn thành trong kỳ.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu hồi khoản phải thu.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Tổng Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.12 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC (TIẾP)**

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**3.13 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Tổng Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Tổng Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.
- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	2.819.087.993	2.084.177.289
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.358.503.273	34.584.212.909
Các khoản tương đương tiền (*)	82.137.788.935	90.530.205.499
	<u>99.315.380.201</u>	<u>127.198.595.697</u>

(\*) Các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng tại các Ngân hàng Thương mại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

**5.1 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	287.396.250	-	287.396.250	-
- + Cổ phiếu	287.396.250	-	287.396.250	-
	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi số VND
b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	105.041.650.278	105.041.650.278	100.723.102.294	100.723.102.294
- Ngắn hạn	102.861.650.278	102.861.650.278	98.505.731.818	98.505.731.818
- Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến 12 tháng (*)	102.861.650.278	102.861.650.278	98.505.731.818	98.505.731.818
- Dài hạn	2.180.000.000	2.180.000.000	2.217.370.476	2.217.370.476
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 12 tháng	500.000.000	500.000.000	537.370.476	537.370.476
- Trái phiếu	1.680.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000	1.680.000.000

(\*) Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 03 tháng và dưới 01 năm dùng để đảm bảo cho hợp đồng vay tổng số tiền: 15.003.672.686 đồng

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN/DÀI HẠN (TIẾP)**

**5.2 ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN**

**5.2.1 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty con	1.491.178.546	-	1.491.178.546	-
+ Công ty TNHH MTV Viettronics Medda (*)	1.491.178.546	-	1.491.178.546	-
	<b>1.491.178.546</b>	<b>-</b>	<b>1.491.178.546</b>	<b>-</b>

(\*) Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Viettronics Medda thông qua Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa với tỷ lệ sở hữu 100%. Tổng Công ty sở hữu tương ứng với 51,07% Công ty TNHH MTV Viettronics Medda (tương ứng với số tiền 761.585.552 đồng). Khoản đầu tư vào Công ty TNHH MTV Viettronics Medda được đánh giá theo phương pháp giá gốc do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của Công ty này.

**5.2.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào đơn vị khác	29.915.290.000	(12.907.990.640)	29.915.290.000	(12.907.990.640)
+ Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam	294.020.000	-	294.020.000	-
+ Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	29.621.270.000	(12.907.990.640)	29.621.270.000	(12.907.990.640)
	<b>29.915.290.000</b>	<b>(12.907.990.640)</b>	<b>29.915.290.000</b>	<b>(12.907.990.640)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**5.2.3 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT**

	30/06/2019		01/01/2019			
	Giá gốc VND	Theo phương pháp VCSH VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Theo phương pháp VCSH VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (*)	41.810.608.312	44.460.696.278	-	41.810.608.312	44.460.696.278	-
+ Công ty Cổ phần Máy tính và Truyền thông	21.684.417.517	23.120.065.811	-	21.684.417.517	23.120.065.811	-
+ Công ty Cổ phần Vietrolimex	13.987.729.333	16.549.744.635	-	13.987.729.333	16.549.744.635	-
+ Công ty Đầu tư Y tế Kỹ thuật cao Amec	1.276.595.137	-	-	1.276.595.137	-	-
+ Công ty Cổ phần CK ĐT Phú Thọ Hoà	2.278.518.130	2.899.978.051	-	2.278.518.130	2.899.978.051	-
+ Công ty Cổ phần Máy tính Việt Nam	895.348.195	1.045.905.632	-	895.348.195	1.045.905.632	-
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	510.000.000	-	-	510.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Belco Hà Nội	1.178.000.000	845.002.149	-	1.178.000.000	845.002.149	-
	<b>41.810.608.312</b>	<b>44.460.696.278</b>	-	<b>41.810.608.312</b>	<b>44.460.696.278</b>	-
	<b>30/06/2019</b>		<b>01/01/2019</b>			
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
+ Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics (**)	1.800.000.000	(1.107.420.074)	(1.107.420.074)	1.800.000.000	(1.107.420.074)	(1.107.420.074)
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 (***)	<b>2.100.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>	<b>(1.107.420.074)</b>	<b>2.100.000.000</b>	<b>(1.107.420.074)</b>	<b>(1.107.420.074)</b>

(\*) Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết đang trình bày trên Bảng cân đối kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2018. Do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của Công ty này trong 6 tháng 06/2019 nên không trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

(\*\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Cơ điện tử Viettronics được trình bày theo giá gốc do Tổng Công ty chưa nhận được báo cáo tài chính của Công ty này. (\*\*\*) Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1 được trình bày theo giá gốc do tại 30/06/2019 Công ty Viettronics Thủ Đức chưa thực hiện đánh giá trích lập dự phòng bổ sung cho các khoản đầu tư tài chính dài hạn, phải thu khách hàng và phải thu về cho vay ngắn hạn liên quan đến Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức 1.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>238.536.132.654</b>	<b>(19.271.241.160)</b>	<b>521.910.946.898</b>	<b>(19.271.241.160)</b>
- Công ty Cổ phần thủy điện Bắc Hà	782.988.019	-	782.988.019	-
- Ban quản lý Dự án thủy điện 7	900.000.000	(630.000.000)	900.000.000	(630.000.000)
- Ban QLDA các công trình điện Miền Bắc - Chi nhánh Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia	32.270.985.759	-	32.325.399.655	-
- Công ty TNHH Đầu tư thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Phúc	34.832.914.744	-	41.049.186.348	-
- Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	(2.800.000.000)	2.800.000.000	(2.800.000.000)
- Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	4.879.176.378	(455.085.690)	4.879.176.378	(455.085.690)
- Công ty CP Công Nghệ và Truyền thông Quốc tế Incofec	8.947.915.269	-	10.206.788.269	-
- Công ty TNHH Đầu tư Sunway Việt Nam	-	-	4.699.414.542	-
- Công ty TNHH Skyworth Việt Nam	5.516.650.528	-	175.180.555.004	-
- Công ty Ô tô Toyota Việt Nam	28.417.837.097	-	29.119.517.960	-
- Công ty Cổ phần Xây dựng và Dịch vụ công nghiệp Thăng Long	25.320.305.295	-	82.470.085.791	-
- Các đối tượng khác	93.867.359.565	(15.386.155.470)	137.497.834.932	(15.386.155.470)
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
	<b>238.536.132.654</b>	<b>(19.271.241.160)</b>	<b>521.910.946.898</b>	<b>(19.271.241.160)</b>
<b>Phải thu của khách hàng là các bên liên quan</b>	<b>4.967.088.349</b>	<b>(280.160.201)</b>	<b>4.982.088.349</b>	<b>(280.160.201)</b>
- Công ty TNHH MTV Viettronics Medda	746.486.755	-	746.486.755	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ Đức 1	3.947.469.943	-	3.947.469.943	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(280.160.201)	288.131.651	(280.160.201)

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**7. PHẢI THU KHÁC**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>36.177.353.020</b>	<b>(10.906.306.424)</b>	<b>33.447.997.460</b>	<b>(10.906.306.424)</b>
- Tạm ứng cho cán bộ công nhân viên	12.011.391.968	(493.630.926)	9.798.004.379	(493.630.926)
- Ký cược, ký quỹ	68.179.818	-	450.216.872	-
- Lãi dự thu	5.293.080.762	-	3.545.274.599	-
- Phải thu BHXH, BHYT, KPCĐ	54.038.031	-	206.324.912	-
- Phải thu về cổ phần hóa ngắn hạn	231.700.000	-	231.700.000	-
- Các khoản phải thu khác ngắn hạn	18.518.962.441	(10.412.675.498)	19.216.476.698	(10.412.675.498)
<i>Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>	<i>2.107.997.573</i>	<i>(2.107.997.573)</i>
<i>Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>	<i>2.570.029.600</i>	<i>(2.570.029.600)</i>
<i>Công ty TNHH Kiến Quang</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>	<i>2.200.000.000</i>	<i>(2.200.000.000)</i>
<i>Phải thu có tức Công ty Cổ phần Vietronimex</i>	<i>761.181.674</i>	-	-	-
<i>Phải thu có tức Công ty Cổ phần Máy tính &amp; Truyền thông Việt Nam</i>	<i>1.071.000.000</i>	-	-	-
<i>Thu từ cán bộ công nhân viên đất Long An</i>	<i>2.694.230.000</i>	-	<i>2.694.230.000</i>	-
<i>Các đối tượng khác</i>	<i>7.114.523.594</i>	<i>(3.534.648.325)</i>	<i>9.644.219.525</i>	<i>(3.534.648.325)</i>
<b>Dài hạn</b>	<b>3.896.240.884</b>	-	<b>3.817.020.884</b>	-
- Ký cược, ký quỹ	141.855.680	-	62.635.680	-
- Phải thu khác	3.754.385.204	-	3.754.385.204	-

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. NỢ XẤU**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	23.616.456.648	4.829.717.388	23.616.456.648	4.829.717.388
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	3.833.790.106	886.713.476	3.833.790.106	886.713.476
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	801.503.262	2.671.677.540	801.503.262
+ Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	668.679.020	8.938.160	668.679.020	8.938.160
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	16.041.564	97.369.095	16.041.564
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	288.131.651	7.971.450	288.131.651	7.971.450
+ Ông/Bà Huỳnh Anh Hiệp	107.932.800	52.259.040	107.932.800	52.259.040
- Công ty Cổ phần Điện tử Biên Hòa	5.889.121.160	525.797.212	5.889.121.160	525.797.212
+ Công ty Cổ phần Dịch vụ Bưu chính Viễn thông Sài Gòn	4.119.190.948	-	4.119.190.948	-
+ Công ty TNHH Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ Bạc Việt	747.000.000	-	747.000.000	-
+ Các đối tượng khác	1.022.930.212	525.797.212	1.022.930.212	525.797.212
- Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	179.314.088	-	179.314.088	-
+ Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Ngân Thịnh	129.348.000	-	129.348.000	-
+ Ông/Bà Hoàng Văn Hiếu	2.900.000	-	2.900.000	-
+ Công ty TNHH Đại Hùng	21.392.905	-	21.392.905	-
+ Công ty TNHH nhân lực Việt	15.000.000	-	15.000.000	-
+ Công ty TNHH Đại Lục	9.023.183	-	9.023.183	-
+ Cửa hàng Huy Thăng - Hiệp Tỉnh	1.650.000	-	1.650.000	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Thủ Đức	56.591.753	8.179.899	56.591.753	8.179.899
+ Các đối tượng khác	56.591.753	8.179.899	56.591.753	8.179.899

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. NỢ XẤU (TIẾP)**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
- Công ty Cổ phần Công trình Viettronics	587.070.283	-	587.070.283	-
+ Công ty Liên doanh Golf Hà Nội	484.966.883	-	484.966.883	-
+ Công ty Phát triển công nghệ & Thương mại Đồng Đa	102.103.400	-	102.103.400	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	618.979.207	-	618.979.207	-
+ Công ty Điện tử Công nghiệp CDC	455.085.690	-	455.085.690	-
+ Công ty TNHH Tin học Nguyễn Hưng	28.276.080	-	28.276.080	-
+ Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 4 - Xí nghiệp Xây Dụng số 8	82.566.920	-	82.566.920	-
+ Cửa hàng giới thiệu tiêu thụ và BH sản phẩm - Công ty Điện tử Đồng Đa	53.050.517	-	53.050.517	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	4.936.014.740	3.139.026.801	4.936.014.740	3.139.026.801
+ Công ty TNHH Thương mại - Xuất nhập khẩu Cường Nga	2.001.113.564	1.695.253.015	2.001.113.564	1.695.253.015
+ Các đối tượng khác	2.934.901.176	1.443.773.786	2.934.901.176	1.443.773.786
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	7.515.575.311	270.000.000	7.515.575.311	270.000.000
+ Ban quản lý Dự án thủy điện 7	900.000.000	270.000.000	900.000.000	270.000.000
+ Công ty Điện tử Công nghiệp	1.161.897.311	-	1.161.897.311	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	2.800.000.000	-	2.800.000.000	-
+ Công ty TNHH MTV Thương mại Đầu tư Phát triển Đô thị	2.653.678.000	-	2.653.678.000	-
<i>Trả trước cho người bán</i>	<i>5.354.351.000</i>	-	<i>5.354.351.000</i>	-
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
+ Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Ngân Thịnh	4.854.351.000	-	4.854.351.000	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	500.000.000	-	500.000.000	-
+ Công ty TNHH Thương mại và Quảng cáo Nhị Hà	500.000.000	-	500.000.000	-



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**8. NỢ XẤU (TIẾP)**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi VND
<i>Các khoản phải thu khác</i>	9.796.614.718	23.139.553	9.796.614.718	23.139.553
- Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa	6.719.188.518	-	6.719.188.518	-
+ Doanh nghiệp tư nhân TM Ngân Long	2.570.029.600	-	2.570.029.600	-
+ Công ty TNHH Kiến Quang	2.200.000.000	-	2.200.000.000	-
+ Công Ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	-	1.949.158.918	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa	655.489.878	23.139.553	655.489.878	23.139.553
+ Ông/Bà Nguyễn Thị Tâm	459.630.926	-	459.630.926	-
+ Ông/Bà Hoàng Anh Tuấn	34.000.000	-	34.000.000	-
+ Ông/Bà Lê Tuấn Anh - Trung Tâm Công nghệ	90.991.745	23.139.553	90.991.745	23.139.553
+ Các đối tượng khác	70.867.207	-	70.867.207	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Công nghiệp	71.980.121	-	71.980.121	-
+ Các đối tượng khác	71.980.121	-	71.980.121	-
- Công ty Cổ phần Viettronics Tân Bình	10.612.240	-	10.612.240	-
+ Ông/Bà Trần Quang Duy	10.612.240	-	10.612.240	-
- Văn phòng Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện tử và Tin học Việt nam	2.339.343.961	-	2.339.343.961	-
+ Công ty TNHH dịch vụ - thương mại Ngân Thịnh	2.107.997.573	-	2.107.997.573	-
+ Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa Phú Thọ	231.346.388	-	231.346.388	-
	<b>38.767.422.366</b>	<b>4.852.856.941</b>	<b>38.767.422.366</b>	<b>4.852.856.941</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**9. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng đang đi trên đường	15.324.247.773	-	8.402.181.545	-
Nguyên liệu, vật liệu	32.549.594.235	-	28.658.881.962	-
Công cụ, dụng cụ	242.723.151	-	237.641.126	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	37.587.299.648	-	36.061.576.678	-
Thành phẩm	80.782.790.596	(1.880.697.898)	79.933.495.260	(1.897.004.123)
Hàng hóa	54.460.466.441	(3.214.332.244)	40.875.709.811	(3.243.732.046)
	<b>221.351.324.739</b>	<b>(5.095.030.142)</b>	<b>194.581.490.733</b>	<b>(5.140.736.169)</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2019	129.132.454.769	40.530.424.887	21.065.054.601	1.960.022.906	192.687.957.163
- Mua trong kỳ	-	-	639.214.545	-	639.214.545
- Đầu tư XDCB hoàn thành	492.338.000	-	-	-	492.338.000
- Hủy tài sản tại Viettronics Tân Bình	-	(70.211.600)	-	-	(70.211.600)
- Thanh lý, nhượng bán	(32.000.250)	(38.775.000)	-	-	(70.775.250)
- Giảm khác	-	(382.665.870)	-	-	(382.665.870)
30/06/2019	129.592.792.519	40.038.772.417	21.704.269.146	1.960.022.906	193.295.856.988
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2019	(74.861.824.725)	(30.591.131.249)	(15.866.282.428)	(1.960.022.906)	(123.279.261.308)
- Khấu hao trong kỳ	(2.056.556.560)	(982.133.682)	(792.097.012)	-	(3.830.787.254)
- Thanh lý, nhượng bán	32.000.250	38.775.000	-	-	70.775.250
- Hủy tài sản tại Viettronics Tân Bình	-	70.211.600	-	-	70.211.600
30/06/2019	(76.886.381.035)	(31.464.278.331)	(16.658.379.440)	(1.960.022.906)	(126.969.061.712)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2019	54.270.630.044	9.939.293.638	5.198.772.173	-	69.408.695.855
30/06/2019	52.706.411.484	8.574.494.086	5.045.889.706	-	66.326.795.276

Tại 30/06/2019:

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là: 89.248.540.877 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản vay là: 16.388.876.612 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>6.007.260.037</b>	<b>4.804.361.466</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	14.182.330	132.816.159
- Chi phí mua bảo hiểm	6.701.885	46.913.231
- Chi phí trả trước ngắn hạn khác	5.986.375.822	4.624.632.076
<b>Dài hạn</b>	<b>13.870.683.789</b>	<b>14.933.312.680</b>
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	167.329.347	910.642.251
- Chi phí sửa chữa	6.472.857.714	7.573.374.107
- Phí duy trì tên miền, web, chữ ký số, phí bản quyền phần mềm	29.667.820	19.428.246
- Chi phí dự án CCTV	271.857.440	380.600.396
- Chi phí thuê văn phòng	3.760.121.221	3.808.848.493
- Chi phí trả trước dài hạn khác	3.168.850.247	2.240.419.187
	<b>19.877.943.826</b>	<b>19.737.674.146</b>

**12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>				
01/01/2019	43.964.970.144	1.959.028.960	564.916.227	46.488.915.331
30/06/2019	43.964.970.144	1.959.028.960	564.916.227	46.488.915.331
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>				
01/01/2019	(5.703.094.901)	(1.617.578.107)	(408.122.209)	(7.728.795.217)
- Khấu hao trong kỳ	(304.500.276)	(58.504.998)	-	(363.005.274)
30/06/2019	(6.007.595.177)	(1.676.083.105)	(408.122.209)	(8.091.800.491)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>				
01/01/2019	38.261.875.243	341.450.853	156.794.018	38.760.120.114
30/06/2019	37.957.374.967	282.945.855	156.794.018	38.397.114.840

- Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại 30/06/2019 là 1.512.402.665 đồng.
- Giá trị còn lại của TSCĐ vô hình dùng để cầm cố, thế chấp các khoản vay tại 30/06/2019 số tiền 20.138.611.782 đồng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2019	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/06/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	<b>37.747.597.125</b>	-	-	<b>37.747.597.125</b>
- Cơ sở hạ tầng	2.063.958.919	-	-	2.063.958.919
- Nhà cửa, vật kiến trúc	31.872.245.306	-	-	31.872.245.306
- Quyền sử dụng đất	3.811.392.900	-	-	3.811.392.900
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	<b>(28.331.045.142)</b>	<b>(239.630.976)</b>	-	<b>(28.570.676.118)</b>
- Cơ sở hạ tầng	(2.063.958.919)	-	-	(2.063.958.919)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	(24.509.421.387)	(210.221.982)	-	(24.719.643.369)
- Quyền sử dụng đất	(1.757.664.836)	(29.408.994)	-	(1.787.073.830)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	<b>9.416.551.983</b>	<b>(239.630.976)</b>	-	<b>9.176.921.007</b>
- Cơ sở hạ tầng	-	-	-	-
- Nhà cửa, vật kiến trúc	7.362.823.919	(210.221.982)	-	7.152.601.937
- Quyền sử dụng đất	2.053.728.064	(29.408.994)	-	2.024.319.070
- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê tại 30/06/2019 số tiền 16.284.367.517 đồng.				

**14. TÀI SẢN DỜ ĐANG DÀI HẠN**

	30/06/2019	01/01/2019
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>43.053.847.727</b>	<b>36.129.786.391</b>
- Công trình Trụ sở Tổng Công ty tại Cầu Giấy, Hà Nội	4.716.893.636	4.552.348.182
- Công trình tại Trường Cao đẳng Viettronics	621.809.578	621.809.578
- Dự án điện tim	15.082.768.554	15.082.768.554
- Dự án 21 Đông Các	1.220.277.685	1.220.277.685
- Dự án VTB Green Building	9.444.148.637	9.124.124.755
- Dự án nhà xưởng Cát Lái	8.338.535.091	1.899.043.091
- Các dự án khác	3.629.414.546	3.629.414.546
	<b>43.053.847.727</b>	<b>36.129.786.391</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/06/2019		01/01/2019	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	97.336.808.295	97.336.808.295	368.482.413.970	368.482.413.970
- Công ty Cổ phần YOTEK	1.747.211.452	1.747.211.452	7.930.227.036	7.930.227.036
- Công ty Cổ phần Ứng dụng và Phát triển công nghệ Thông tin	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169	1.988.117.169
- Công ty Cổ phần Thương mại và dịch vụ Dầu khí Biển	26.646.623.668	26.646.623.668	28.458.201.661	28.458.201.661
- ShenZhen ChuangWei - Rgb Electronics Co.,Ltd	2.852.679.980	2.852.679.980	183.663.696.985	183.663.696.985
- Công ty TNHH Thương mại và Xuất nhập khẩu Khang Thịnh Phát	8.000	8.000	25.748.250.000	25.748.250.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Hoàng Kim VKP	15.233.613.725	15.233.613.725	34.022.031.964	34.022.031.964
- Pioneer Singapore	48.868.554.301	48.868.554.301	14.639.108.400	14.639.108.400
- Các đối tượng khác	-	-	72.032.780.755	72.032.780.755
Dài hạn	-	-	-	-
	<b>97.336.808.295</b>	<b>97.336.808.295</b>	<b>368.482.413.970</b>	<b>368.482.413.970</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC**

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	3.124.518.861	33.735.588.961	35.327.638.139	1.532.469.683
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	2.689.745.453	2.689.745.453	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.980.007.960	1.980.007.960	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.901.144.469	2.971.409.123	3.310.690.311	2.561.863.281
- Thuế thu nhập cá nhân	754.808.412	919.251.160	1.131.272.735	542.786.837
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	489.169.351	2.814.498.864	2.317.226.354	986.441.861
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	29.564.631	63.725.778	63.725.778	29.564.631
	<b>7.299.205.724</b>	<b>45.174.227.299</b>	<b>46.820.306.730</b>	<b>5.653.126.293</b>

	01/01/2019	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	30/06/2019
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	975.761.591	-	45.130.503	1.020.892.094
- Thuế thu nhập cá nhân	62.945.764	107.960.862	46.068.448	1.053.350
- Tiền thuế đất phi nông nghiệp	-	37.363.299	74.726.597	37.363.298
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	2.080.124.460	4.160.248.920	2.080.124.460
- Thuế khác	360.686	-	-	360.686
	<b>1.039.068.041</b>	<b>2.225.448.621</b>	<b>4.326.174.468</b>	<b>3.139.793.888</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>13.828.779.237</b>	<b>8.607.086.815</b>
- Trích trước chi phí hỗ trợ quảng cáo nhà phân phối khu vực phía Nam	414.650.468	440.187.943
- Chi phí nhận hàng nhập khẩu	-	214.483.880
- Phí thuê đất	4.245.565.887	-
- Chi phí du lịch	288.092.337	-
- Chiết khấu thương mại	3.250.771.000	367.292.337
- Chi phí bán hàng	-	2.477.283.000
- Trích trước chi phí khác	4.378.429.429	3.797.210.357
- Chi phí lãi vay	1.251.270.116	1.310.629.298
<b>Dài hạn</b>	<b>3.497.356.796</b>	<b>3.497.356.796</b>
- Truy thu tiền thuê đất tại nhà máy Biên Hòa	3.497.356.796	3.497.356.796
	<b>17.326.136.033</b>	<b>12.104.443.611</b>

**18. PHẢI TRẢ KHÁC**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
<b>Ngắn hạn</b>	<b>40.757.862.963</b>	<b>36.529.289.936</b>
- Kinh phí công đoàn	382.750.653	396.489.076
- Bảo hiểm xã hội	239.003.807	21.228.578
- Bảo hiểm y tế	29.219.196	1.828.844
- Bảo hiểm thất nghiệp	11.655.253	812.416
- Phải trả về cổ phần hóa	354.227.500	354.227.500
- Nhận ký quỹ, ký cược	22.310.496.255	15.000.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	17.430.510.299	20.754.703.522
+ <i>Cổ tức phải trả</i>	5.825.109.687	6.346.285.687
+ <i>Tiền đặt cọc mua cổ phần của ông Võ Anh Tú tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa</i>	1.470.000.000	-
+ <i>CBCNV ứng tiền mua đất tại Long An</i>	1.302.400.000	1.302.400.000
+ <i>Khoản trợ cấp người lao động</i>	2.830.436.600	2.830.436.600
+ <i>Khoản phải trả cho Công trình Dự án điện tim</i>	1.765.734.978	1.765.734.978
+ <i>Khoản phải trả phải nộp khác</i>	4.236.829.034	8.509.846.257
<b>Dài hạn</b>	<b>12.057.845.402</b>	<b>11.567.829.280</b>
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	12.057.845.402	11.567.829.280
	<b>52.815.708.365</b>	<b>48.097.119.216</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

Nội dung	30/06/2019		Trong kỳ		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>65.589.244.716</b>	<b>65.589.244.716</b>	<b>158.524.913.032</b>	<b>173.382.264.228</b>	<b>80.446.595.912</b>	<b>80.446.595.912</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch III (1)	5.311.000.000	5.311.000.000	35.565.676.030	68.274.715.178	38.020.039.148	38.020.039.148
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Đông Sài Gòn (2)	13.797.481.382	13.797.481.382	16.344.425.667	27.423.668.900	24.876.724.615	24.876.724.615
- Ngân hàng TMCP An Bình - Chi nhánh Hà Nội (3)	600.000.000	600.000.000	900.000.000	3.287.000.000	2.987.000.000	2.987.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Đức (4)	5.967.263.335	5.967.263.335	5.967.263.335	9.988.832.150	9.988.832.150	9.988.832.150
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh 7 TP.HCM	12.500.000.000	12.500.000.000	62.519.048.000	50.019.048.000	-	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Tân Định	20.000.000.000	20.000.000.000	32.700.000.000	12.700.000.000	-	-
- Ông Nguyễn Khang Trang (5)	317.000.000	317.000.000	-	-	317.000.000	317.000.000
- Ông Nguyễn Đức Tường (5)	230.000.000	230.000.000	-	-	230.000.000	230.000.000
- Vay tổ chức, cá nhân khác (5)	6.300.000.000	6.300.000.000	4.100.000.000	1.600.000.000	3.800.000.000	3.800.000.000
- Các đối tượng khác	566.500.000	566.500.000	428.500.000	89.000.000	227.000.000	227.000.000
	<b>65.589.244.716</b>	<b>65.589.244.716</b>	<b>158.524.913.032</b>	<b>173.382.264.228</b>	<b>80.446.595.912</b>	<b>80.446.595.912</b>

(1) Khoản vay theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 01/2018/324800/HĐTD ngày 17/08/2018 với điều khoản:

Hạn mức: 150.000.000.000 đồng;

Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động;

Thời hạn: 12 tháng;

Lãi suất: Lãi suất theo từng lần nhận nợ;

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)*

**19. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Tài sản đảm bảo: Các hợp đồng tiền gửi của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam.
- (2) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam CN Đông Sài Gòn theo hợp đồng tín dụng số 01/BIDV.ĐSG-KHĐN ngày 21/05/2018 với các điều khoản:  
Hạn mức tín dụng: 25.000.000.000 (Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn);  
Thời hạn cấp hạn mức: 12 tháng;  
Lãi suất thả nổi được quy định tại khế ước nhận nợ;  
Kỳ hạn trả nợ theo từng giấy nhận nợ;  
Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở LC;  
Tài sản đảm bảo: Đơn vị cầm có 11 hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của đơn vị và/hoặc bên liên quan (nếu có) theo đúng quy định.  
chấp các tài sản khác thuộc quyền sở hữu của đơn vị và/hoặc bên liên quan (nếu có) theo đúng quy định.
- (3) Hợp đồng hạn mức tín dụng số 1900/18/TD-TT/II.24 ngày 02/05/2018 với Ngân hàng TMCP An Bình – Chi nhánh Hà Nội. Hạn mức cấp tín dụng tổng, với số tiền tối đa là 100.000.000.000 VND. Trong đó hạn mức tín dụng tổng trên bao gồm: hạn mức cho vay 45.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh 100.000.000.000 VND và hạn mức bảo lãnh phát hành L/C: 45.000.000.000 VND. Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh, mục đích bảo lãnh phát hành L/C: Phát hành bảo lãnh dự thầu, bảo lãnh thực hiện hợp đồng, bảo lãnh tạm ứng, bảo lãnh bảo hành, bảo lãnh thanh toán, bảo lãnh thuế... Thời hạn của các khoản vay được ghi trên từng giấy nhận nợ nhưng không quá 10 tháng, thời hạn ghi trên từng cam kết bảo hành. Lãi suất được quy định cụ thể trong từng Khế ước nhận nợ từng lần. Tài sản đảm bảo gồm: (1) Toàn bộ quyền tài sản phát sinh từ hợp đồng thuê văn phòng số 01-2013/HHTVP -VNC – EID ngày 02/04/2013 ký với Công ty TNHH Phát Triển Công Nghiệp Năng Lượng và toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ các hợp đồng kinh tế ký với đối tác, chi tiết được quy định cụ thể trong hợp đồng thế chấp, (2) Toàn bộ quyền đòi nợ phát sinh từ Hợp đồng kinh tế được ký kết với các đối tác, (3) Sổ tiết kiệm.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Thủ Đức theo hợp đồng tín dụng số 038/014/18/004 ngày 23/10/2018 với các điều khoản:  
Hạn mức cho vay: 10.000.000.000 đồng;  
Thời hạn duy trì hạn mức cho vay: 03/10/2018 đến 05/10/2019;  
Lãi suất: quy định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể;  
Kỳ hạn trả nợ theo từng giấy nhận nợ;  
Mục đích vay: Thanh toán các chi phí ngân hàng hạn hợp pháp, hợp lý và hợp lệ phục vụ sản xuất kinh doanh của đơn vị;  
Tài sản đảm bảo: Tài khoản tiền gửi/chứng nhận tiền gửi có kỳ hạn của Khách hàng và/hoặc Bên thứ ba mở tại Ngân hàng.
- (5) Các khoản vay cá nhân có kỳ hạn dưới 12 tháng, lãi suất 0%/năm - 5%/năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

20. VỐN CHỦ SỞ HỮU

20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND			VND	VND		
01/01/2018	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	37.165.465.020	150.980.498.651	653.228.289.340			
- Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	7.382.603.752	7.786.848.328	15.169.452.080	
- Phân phối lợi nhuận trong năm (*)	-	-	-	-	-	-	-	(25.499.483.256)	(4.714.680.673)	(30.214.163.929)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(3.599.483.256)	(592.985.057)	(4.192.468.313)	
+ Chia cổ tức trong năm	-	-	-	-	-	-	-	(21.900.000.000)	(4.121.695.617)	(26.021.695.617)	
- Điều chỉnh thuế GTGT theo Biên bản thanh tra thuế từ năm 2014 đến 2017 tại Văn phòng Tổng Công ty	-	-	-	-	-	-	-	(584.094.210)	-	(584.094.210)	
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.361.507.368)	(491.018.766)	(1.852.526.134)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(1.361.507.368)	(266.018.766)	(1.627.526.134)	
+ Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(225.000.000)	(225.000.000)	
- Truy thu thuế tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(462.773.025)	(145.081.237)	(607.854.262)	
- Tăng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	3.012.000.710	(762.928.714)	2.249.071.996	
31/12/2018	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	19.652.211.623	152.653.637.589	637.388.174.881			
01/01/2019	438.000.000.000	(13.168.376.473)	(20.110.700.745)	60.334.783.182	26.619.705	19.652.211.623	152.653.637.589	637.388.174.881			
- Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	-	643.497.621	8.183.534.421	8.827.032.042	
- Phân phối lợi nhuận trong kỳ (*)	-	-	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)	
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	(3.029.476.580)	-	(3.029.476.580)	
- Phân phối lợi nhuận tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(755.358.691)	(6.828.981.309)	(7.584.340.000)	

357  
TỔNG CÔNG TY  
CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ VÀ TIN HỌC VIỆT NAM  
T.Đ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
	VND	VND		VND	VND			VND	VND		
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(588.735.450)	(471.264.550)	(1.060.000.000)	
+ Phân phối lợi nhuận tại các Công ty con	-	-	-	-	-	-	-	-	(6.224.340.000)	(6.224.340.000)	
+ Chi khen thưởng theo QĐ số 26/2019/VTB-QĐ-TGD	-	-	-	-	-	-	-	(166.623.241)	(133.376.759)	(300.000.000)	
- Truy thu thuế tại các công ty con	-	-	-	-	-	-	-	(105.357.229)	(3.247.275)	(108.604.504)	
- Điều chỉnh Quỹ Đầu tư Phát triển tại Công ty Vitek	-	-	-	-	(110.375.448)	-	-	110.375.448	-	-	
- Tặng/(giảm) khác	-	-	-	-	-	-	-	964.308.161	(978.346.001)	(14.037.840)	
<b>30/06/2019</b>	<b>438.000.000.000</b>	<b>(13.168.376.473)</b>	<b>(20.110.700.745)</b>	<b>60.224.407.733</b>	<b>26.619.705</b>	<b>17.480.200.353</b>	<b>153.026.597.425</b>	<b>635.478.747.998</b>			

(\*) Phân phối lợi nhuận năm 2018 theo Nghị quyết 01/NQ/ĐT-ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 05 năm 2019 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**20. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)**

**20.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tổng công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước	385.297.500.000	385.297.500.000
Vốn góp của các đối tượng khác	52.702.500.000	52.702.500.000
	<b>438.000.000.000</b>	<b>438.000.000.000</b>

**20.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	438.000.000.000	438.000.000.000
Lợi nhuận đã phân phối	<b>3.029.476.580</b>	<b>25.499.483.256</b>

**20.4 CỔ PHIẾU**

	30/06/2019	01/01/2019
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	43.800.000	43.800.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu phổ thông	43.800.000	43.800.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

**20.5 CÁC QUỸ**

	30/06/2019	01/01/2019
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	60.224.407.733	60.334.783.182
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	26.619.705	26.619.705

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**21. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	308.520.434.705	447.097.707.241
Doanh thu hoạt động xây dựng	17.959.228.068	-
	<b>326.479.662.773</b>	<b>447.097.707.241</b>
Doanh thu với các bên liên quan	5.016.000	5.016.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	5.016.000	5.016.000

**22. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chiết khấu thương mại	986.990.390	-
Hàng bán bị trả lại	4.969.676.333	722.711.944
	<b>5.956.666.723</b>	<b>722.711.944</b>

**23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ	208.407.723.597	386.109.419.875
Giá vốn hoạt động xây dựng	17.664.364.094	-
	<b>226.072.087.691</b>	<b>386.109.419.875</b>

**24. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.187.167.412	7.396.444.622
Cổ tức, lợi nhuận được chia	3.357.013.000	1.891.236.326
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	350.303.274	880.138.179
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại	30.114.366	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	60.768.535	133.572.007
	<b>9.985.366.587</b>	<b>10.301.391.134</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí lãi vay	1.977.076.530	2.495.372.949
Lỗi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1.168.724.010	336.539.519
Chi phí tài chính khác	7.577.953	-
	<b>3.153.378.493</b>	<b>2.831.912.468</b>

**26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
<b>Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>35.441.283.827</b>	<b>32.375.141.698</b>
Chi phí nhân viên	19.264.153.149	14.630.168.725
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	430.116.073	365.516.655
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.721.602.623	1.491.847.633
Chi phí thuế, phí, lệ phí	2.093.468.722	1.497.199.778
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.193.503.455	612.526.502
Chi phí bằng tiền khác	9.738.439.805	13.777.882.405
<b>Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>54.205.026.963</b>	<b>30.657.731.368</b>
Chi phí nhân viên	9.317.724.206	6.194.919.874
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	857.343.762	922.847.841
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.267.788.813	2.200.800.626
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.934.516.004	4.757.002.818
Chi phí bán hàng khác	13.827.654.178	16.582.160.209
	<b>89.646.310.790</b>	<b>63.032.873.066</b>

**27. THU NHẬP KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu tiền phạt	114.320.778	304.371.700
Các khoản khác	1.035.321.712	246.115.646
	<b>1.149.642.490</b>	<b>550.487.346</b>

**28. CHI PHÍ KHÁC**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Phạt chất lượng hợp đồng	114.320.778	-
Các khoản chi phí khác	92.672.337	334.538.063
	<b>206.993.115</b>	<b>334.538.063</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.971.409.123	1.400.935.492
+ Công ty Cổ phần Vietronics Tân Bình	2.971.409.123	1.400.935.492
	<u>2.971.409.123</u>	<u>1.400.935.492</u>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế (phát sinh tại Công ty con)	(11.533.796)	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	792.327.669	-
	<u>780.793.873</u>	<u>-</u>

**31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018
Lãi/Lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	643.497.621	(1.340.169.178)
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	43.800.000	43.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	15	(31)

**32. THÔNG TIN KHÁC**

**32.1. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập của Ban điều hành

	Từ 01/01/2019 đến 30/06/2019 VND	Từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 VND
Thu nhập của Ban điều hành	368.400.000	442.800.000
Tiền lương, thưởng	368.400.000	442.800.000



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo)

**32 THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**

**32.2. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

	30/06/2019	01/01/2019
<b>Ngoại tệ các loại</b>		
+ USD	1.119,58	27.444,20
+ EUR	576,92	576,92

**32.3. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Ngày 09/07/2019, Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã chuyển nhượng toàn bộ 1.123.600 cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa cho Bà Võ Anh Tú và Ông Nguyễn Quang Khánh, tương đương với tỷ lệ 51,07% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Viettronics Đồng Đa theo Quyết định số 301/QĐ/ĐT-KHĐT cùng ngày.

**32.4. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018 của Tổng Công ty cổ phần Điện tử và tin học Việt Nam đã được kiểm toán và Báo cáo tài chính hợp nhất cho giai đoạn từ 01/01/2018 đến 30/06/2018 của Tổng Công ty Cổ phần Điện tử và Tin học Việt Nam đã được soát xét.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2019

Người lập biểu

Vũ Văn Tuấn

Kế toán trưởng

Nguyễn Trung Dũng

Chủ Tổng Giám đốc



Nguyễn Tiến Dũng